

Bản án số: 1586/2023/DS-ST
Ngày: 31/8/2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng dịch vụ
pháp lý.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Anh Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Thực

2. Bà Đặng Thị Huệ Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Lương - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Thu Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 319/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3176/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10855/2023/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Đắc T, sinh năm 1972;

Địa chỉ: E M, V – BC - V5K0A4, Canada.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1986; Cư trú: A N, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy ủy quyền ngày 15/8/2022 (Ông H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Hà Văn N, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số F K, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty L

Địa chỉ trụ sở: I T, Phường G, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Việt C, Giám đốc (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2022, Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 12/9/2022, Đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện ngày 23/8/2023 và các văn bản trình bày khác trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Phạm Đắc T và người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Văn H trình bày:

Ông Phạm Đắc T có ký hợp đồng đặt cọc ngày 17/3/2022 để mua của bà Trần Thị T1 01 căn nhà có diện tích 3,85m x 17m (chưa sang tên cho bà T1) nằm trong thửa đất số 895, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại 3 T, ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0057QSDĐ/TCH do Ủy ban nhân dân Huyện H cấp ngày 03/12/1992 cho bà Nguyễn Thị B. Ông N và bà T1 thỏa thuận bên ông T tiến hành làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng thửa đất này sang đất ở thì các bên sẽ tiến hành mua bán thửa đất trên.

Để thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng thửa đất trên, ông T đã liên hệ nhờ ông Hà Văn N tiến hành làm thủ tục. Ngày 18/3/2022, ông Phạm Đắc T cùng với ông Hà Văn N và Công ty L (Sau đây gọi tắt là Công ty L) đã ký kết Hợp đồng dịch vụ số 06/2022-HĐDV với nội dung: Ông Hà Văn N tiến hành thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất từ đất có mục đích để ở sang đất ở đối với thửa đất thửa đất số 895, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại 3 T, ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời hạn thực hiện là 90 ngày kể từ ngày ký kết Hợp đồng. Theo Hợp đồng, thù lao hai bên thống nhất ông T phải trả cho ông N là 580.000.000 đồng. Tại Điều 3 của hợp đồng quy định: Tại mỗi lần thanh toán ông N phải trích 20% số tiền nhận được từ ông T để giao cho Công ty L và Công ty L có trách nhiệm tư vấn, giám sát việc thực hiện hợp đồng. Trường hợp ông N không thực hiện được Hợp đồng, ông N trả cho ông T toàn bộ số tiền ông N đã nhận và Công ty L trả cho ông N toàn bộ số tiền Công ty L đã nhận.

Thực hiện hợp đồng ông T đã thanh toán cho ông N số tiền 490.000.000 đồng; Cụ thể lần 01 ngày 18/3/2022 chuyển vào tài khoản ông N số tiền 290.000.000 đồng và lần 02 ngày 23/3/2022 chuyển vào tài khoản ông N số tiền 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 16/6/2022 ông N vẫn không thực hiện bất kỳ công việc nào để thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất. Ông T liên lạc với ông N để yêu cầu hoàn trả số tiền 490.000.000 nhưng ông N không hợp tác, tắt điện thoại, chặn liên lạc và ông N cũng có nhắn tin thừa nhận không thể thực hiện được thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất như đã thỏa thuận trước đó. Theo Hợp đồng dịch vụ số 06/2022-HĐDV ngày 18/3/2022 Công ty L có trách nhiệm tiến hành tư vấn, giám sát hai bên thực hiện Hợp đồng; Nộp thuế thu nhập theo quy định; đảm bảo các bí mật về thông tin tài liệu do ông T cung cấp; được hưởng tiền thù lao, tiền thưởng (nếu có) theo thỏa thuận. Tuy nhiên, Công ty L đã không có bất kỳ động thái thực hiện việc tư vấn, giám sát hai bên thực hiện Hợp đồng, thậm chí né tránh, thiếu thiện chí tham gia giải quyết hậu quả của việc không thực hiện được việc chuyển mục đích sử dụng đất.

Do ông N và Công ty L đã vi phạm thời hạn thực hiện hợp đồng nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét:

- Hủy Hợp đồng dịch vụ số 06/2022-HĐDV ngày 18/3/2022 giữa ông Phạm Đắc T cùng với ông Hà Thông N1 và Công ty L;

- Buộc ông Hà Văn N và Công ty L liên đới hoàn trả cho ông Phạm Đắc Thông S tiền 490.000.000 đồng; Trong đó phần nghĩa vụ của ông Hà Văn N là 392.000.000 đồng, phần nghĩa vụ của Công ty L là 98.000.000 đồng.

Ngày 23/8/2023 đại diện nguyên đơn có Đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu:

- Hủy Hợp đồng dịch vụ số 06/2022-HĐDV ngày 18/3/2022 giữa ông Phạm Đắc T cùng với ông Hà Thông N1 và Công ty L;

- Buộc ông Hà Văn N hoàn trả cho ông Phạm Đắc Thông S tiền 490.000.000 đồng.

Bị đơn ông Hà Văn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty L (Sau đây gọi tắt là Công ty L) đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa sơ thẩm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Hủy Hợp đồng dịch vụ số 06/2022-HĐDV ngày 18/3/2022 ký giữa ông Phạm Đắc T cùng với ông Hà Thông N1 và Công ty L; Buộc ông Hà Văn N hoàn trả số tiền 490.000.000 đồng cho ông Phạm Đắc T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về tố tụng:

[1.1.] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Ông Phạm Đắc T khởi kiện yêu cầu hủy Hợp đồng dịch vụ pháp lý ký với ông Hà Văn N và Công ty L, do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hợp đồng dịch vụ quy định tại Điều 513 Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hiệu khởi kiện vụ án vẫn còn theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự. Nguyên đơn ông T cư trú ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh giải quyết vụ án là

đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn ông Hà Văn N theo địa chỉ cư trú ghi trong hợp đồng là tại số F K, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo kết quả xác minh của Công an phường A ngày 11/5/2023 thì tại địa chỉ này ông Hà Văn N không có đăng ký thường trú hoặc tạm trú. Tuy nhiên ngoài địa chỉ ghi trên hợp đồng này nguyên đơn không biết địa chỉ nào khác của bị đơn để cung cấp cho Tòa, do đó căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ -HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định : “... a) *Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản** thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;”*. Hội đồng xét xử căn cứ địa chỉ của bị đơn ông Hà Văn N được ghi trong Hợp đồng (Tại số F K, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh) để giải quyết vụ án theo quy định. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn tại địa chỉ trên nhiều lần nhưng bị đơn đều vắng mặt, do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty L có trụ sở tại I T, Phường G, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; Căn cứ theo Công văn số 3184/STP-TC ngày 26/6/2023 của Sở Tư Pháp Thành phố Hồ Chí Minh thì Công ty L vẫn đăng ký hoạt động tại địa chỉ trên, chưa đăng ký chấm dứt hoạt động. Tòa án đã triệu tập Công ty L nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty L.

[1.2.] Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Sau khi Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3176/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2023, ngày 23/8/2023 đại diện nguyên đơn có Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu hủy Hợp đồng dịch vụ số 06/2022-HĐDV ngày 18/3/2022 và yêu cầu ông Hà Văn N hoàn trả số tiền 490.000.000 đồng. Xét thấy yêu cầu thay đổi này của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử xem xét.

[2.] Về nội dung:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Đắc T về việc yêu cầu hủy Hợp đồng dịch vụ số 06/2022-HĐDV ngày 18/3/2022 và yêu cầu ông Hà Văn N hoàn trả số tiền 490.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng dịch vụ số 06/2022-HĐDV ký giữa ông Phạm Đắc T với ông Hà Thông N1 và Công ty L ngày 18/3/2022 thể hiện có việc các bên ký kết hợp đồng, nội dung ông Hà Văn N nhận tiền hành thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất từ đất có mục đích để ở sang đất ở đối với thửa đất thửa đất số 895, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại 3 T, ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét thấy: Hợp đồng số 06/2022-HĐDV ngày 18/3/2022 được các bên đương sự ký kết tự nguyện theo đúng quy định tại Điều 513 Bộ luật Dân sự năm 2015 do đó hợp đồng có hiệu lực pháp luật. Căn cứ theo quy định tại Điều 2 của hợp đồng quy định: “Thời gian thực hiện hợp đồng là 90 ngày”. Như vậy đến thời điểm nguyên đơn nộp đơn khởi kiện và đến ngày xét xử đã quá thời hạn thực hiện theo quy định trong hợp đồng nhưng phía ông N không thông báo tiến độ kết quả thực hiện công việc chuyển mục đích sử dụng thửa đất cho ông T; Căn cứ vào nội dung tin nhắn mà nguyên đơn cung cấp thể hiện ông T đã nhiều lần điện thoại, gửi tin nhắn đề nghị ông N và Công ty L trả lời về kết quả thực hiện công việc, cũng như yêu cầu hoàn trả tiền nếu ông N không thực hiện công việc nhưng phía ông N và Công ty L không có hồi đáp. Sau khi nguyên đơn khởi kiện phía ông N và Công ty L cũng không có mặt để giải quyết vụ kiện thể hiện ông N và Công ty L không thực hiện đúng nghĩa vụ thỏa thuận trong hợp đồng đã ký, là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 517 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ: 1. Thực hiện công việc đúng chất lượng, số lượng, thời hạn, địa điểm và thỏa thuận khác.*” Do đó căn cứ điểm b khoản 1 Điều 423 Bộ luật Dân sự năm 2015 nguyên đơn ông T yêu cầu hủy hợp đồng là có cơ sở.

Căn cứ vào Bảng sao kê tài khoản số 0568 1158 101 của Ngân hàng T2 (T3) mang tên ông Phạm Đắc T và xác nhận của Ngân hàng T2 tại Văn bản xác nhận ngày 23/5/2023 thể hiện tài khoản ông Phạm Đắc T có chuyển vào tài khoản số 01668725001 của Ngân hàng T2 mang tên ông Hà Văn N ngày 18/3/2022 số tiền 290.000.000 đồng và ngày 23/3/2022 số tiền 200.000.000 đồng. Như vậy lời trình bày của nguyên đơn về việc đã chuyển số tiền 490.000.000 đồng thanh toán hợp đồng dịch vụ trên cho ông Hà Văn N là có cơ sở. Tại Điều 3 của Hợp đồng dịch vụ 06/2022-HĐDV ngày 18/3/2022 có quy định: Trường hợp ông N không thực hiện được Hợp đồng, ông N trả cho ông T toàn bộ số tiền ông N đã nhận và Công ty L trả cho ông N toàn bộ số tiền Công ty L đã nhận, quy định này phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 427 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng như sau: “2.

Các bên trả lại cho nhau những gì đã nhận ...”, do đó việc ông T yêu cầu ông N hoàn trả số tiền 490.000.000 đồng đã thanh toán là có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Đắc T.

[3]. Về án phí:

Ông Hà Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thi hành theo quy định pháp luật.

Ông Phạm Đắc T không phải chịu án phí. H1 lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp cho ông T.

[4]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều, các điều 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 423, 427, 429, 513, 517 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đắc T: Hủy Hợp đồng dịch vụ số 06/2022-HDDV ngày 18/3/2022 ký giữa ông Phạm Đắc T với ông Hà Văn N và Công ty L; Buộc ông Hà Văn N hoàn trả cho ông Phạm Đắc Thông S tiền là 490.000.000đ (Bốn trăm chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Thi hành tại Cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hà Văn N chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.600.000đ (Hai mươi ba triệu sáu trăm ngàn đồng).

Ông Phạm Đắc T không phải chịu án phí. H1 lại cho ông Phạm Đắc Thông S tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.800.000đ (Mười một triệu tám trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003000 ngày 19/9/2022 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Anh Minh